

**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN
VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2010**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Bùi Minh Tiến	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 5 tháng 1 năm 2011)
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 5 tháng 1 năm 2011)
Bà Nguyễn Thị Hiền	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 8 tháng 2 năm 2011)
Ông Cao Hoài Dương	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 8 tháng 2 năm 2011)
Ông Phạm Đăng Nam	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 8 tháng 2 năm 2011)
Ông Bùi Quang Hưng	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Hòa	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Cao Hoài Dương	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 11 năm 2010)
Ông Phan Đình Đức	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15 tháng 11 năm 2010)
Ông Từ Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tông	Phó Tổng Giám đốc
Bà Chu Thị Hiền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Vinh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

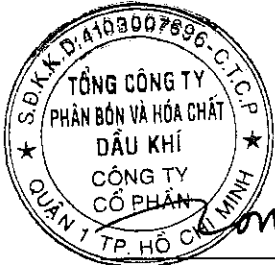
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Tòng
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 18 tháng 2 năm 2011
Tp. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

79
HÀ
IG T
MH
IT
N
A N
HO



Số: 130/2011/Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo của Công ty mẹ - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 4 đến trang 23. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1 và 2, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Trần Đình Nghi Hạ
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0288/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 18 tháng 2 năm 2011
Tp. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Phạm Văn Tân
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0401/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 01-DN
Đơn vị: Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.844.444.364.716	2.962.529.126.010
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	2.876.483.097.099	2.196.286.702.433
1. Tiền	111		88.483.097.099	46.286.702.433
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.788.000.000.000	2.150.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		25.000.000.000	25.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	25.000.000.000	25.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		291.992.118.625	143.886.240.544
1. Phải thu của khách hàng	131		14.684.146.491	8.572.997.463
2. Trả trước cho người bán	132		105.466.633.264	63.741.042.127
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	7	105.647.033.838	16.978.026.870
4. Các khoản phải thu khác	135		66.377.346.981	54.716.220.448
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(183.041.949)	(122.046.364)
IV. Hàng tồn kho	140	8	568.339.288.553	546.782.385.823
1. Hàng tồn kho	141		568.339.288.553	546.782.385.823
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		82.629.860.439	50.573.797.210
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		10.351.032.143	6.202.490.267
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		61.542.163.173	35.188.036.288
3. Các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	128.316.487
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		10.736.665.123	9.054.954.168
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.297.663.668.488	3.218.187.423.983
I. Tài sản cố định	220		1.498.868.700.324	1.530.191.530.843
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	761.321.147.926	797.558.526.018
- Nguyên giá	222		6.134.127.922.277	5.523.697.124.523
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.372.806.774.351)	(4.726.138.598.505)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	27.555.900.904	27.657.707.846
- Nguyên giá	228		199.325.526.875	176.722.446.555
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(171.769.625.971)	(149.064.738.709)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	709.991.651.494	704.975.296.979
II. Bất động sản đầu tư	240	12	260.997.855.414	88.459.243.500
- Nguyên giá	241		263.664.026.037	88.855.650.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(2.666.170.623)	(396.406.500)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.226.251.357.921	1.301.905.051.760
1. Đầu tư vào công ty con	251	13	892.660.000.000	851.410.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	14	20.000.000.000	31.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	15	313.591.357.921	419.495.051.760
IV. Tài sản dài hạn khác	260		311.545.754.829	297.631.597.880
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	296.600.179.592	295.563.179.093
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	14.813.075.437	2.033.418.787
3. Tài sản dài hạn khác	268		132.499.800	35.000.000
TỔNG TÀI SẢN	270		7.142.108.033.204	6.180.716.549.993

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 01-DN
 Đơn vị: Đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.039.824.634.016	749.743.309.737
I. Nợ ngắn hạn	310		778.752.651.382	516.643.308.992
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	20	82.029.192.368	-
2. Phải trả cho người bán	312		347.493.535.145	208.028.662.837
3. Người mua trả tiền trước	313		19.639.300.000	584.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	47.852.850.247	106.703.326.815
5. Phải trả người lao động	315		43.123.221.554	34.186.001.560
6. Chi phí phải trả	316	19	182.976.389.083	99.392.057.031
7. Phải trả nội bộ	317		20.719.981.292	11.688.318.521
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		12.460.169.186	11.032.316.691
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		22.458.012.507	45.612.041.537
II. Nợ dài hạn	330		261.071.982.634	233.100.000.745
1. Vay và nợ dài hạn	334	20	246.087.577.105	216.974.174.175
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		9.444.356.903	9.913.672.900
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		5.540.048.626	6.212.153.670
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		6.102.283.399.188	5.430.973.240.256
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	6.102.283.399.188	5.430.973.240.256
1. Vốn điều lệ	411		3.800.000.000.000	3.800.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	414		(83.277.130.627)	(43.296.089.299)
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		310.231.342	310.157.521
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		835.237.972.349	291.045.353.197
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		333.085.317.442	194.258.112.775
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420		1.216.927.008.682	1.188.655.706.062
TỔNG NGUỒN VỐN	440		7.142.108.033.204	6.180.716.549.993



Nguyễn Văn Tông
 Phó Tổng Giám đốc
 Ngày 18 tháng 2 năm 2011

Handwritten signature of Huỳnh Kim Nhân

Huỳnh Kim Nhân
 Kế toán trưởng



CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 3 Số 2 Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

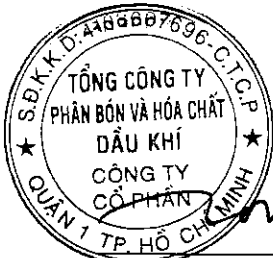
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 02-DN

Đơn vị: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2010	2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		4.776.554.836.067	4.474.936.922.487
2. Các khoản giảm trừ	02		40.946.100.937	522.077.050
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	22	4.735.608.735.130	4.474.414.845.437
4. Giá vốn hàng bán	11	22	2.596.760.833.227	2.634.838.998.943
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.138.847.901.903	1.839.575.846.494
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	356.304.242.378	153.445.090.745
7. Chi phí tài chính	22	23	79.986.692.661	45.147.497.209
8. Chi phí bán hàng	24		298.770.119.631	261.927.708.797
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		329.949.510.920	240.090.225.516
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		1.786.445.821.069	1.445.855.505.717
11. Thu nhập khác	31		13.232.506.903	11.513.112.704
12. Chi phí khác	32		2.698.533.388	5.061.602.253
13. Lợi nhuận khác	40		10.533.973.515	6.451.510.451
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.796.979.794.584	1.452.307.016.168
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	176.936.737.983	149.823.577.620*
16. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại	52	17	12.779.656.650	4.962.861.089
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.632.822.713.251	1.297.520.577.459



Nguyễn Văn Tông
 Phó Tổng Giám đốc
 Ngày 18 tháng 2 năm 2011

Huỳnh Kim Nhân
 Kế toán trưởng

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT ĐÀU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 3 Số 2 Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

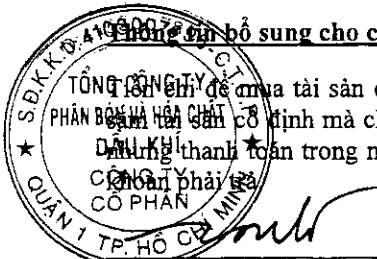
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 03-DN
 Đơn vị: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	2010	2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.796.979.794.584	1.452.307.016.168
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	673.180.983.042	1.028.054.539.651
Các khoản dự phòng	03	60.995.585	(611.031.994.036)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	10.065.177.076	3.440.803.744
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(262.610.144.144)	(153.019.038.843)
Chi phí lãi vay	06	7.633.940.298	-
3. Lưu chuyển tiền thuần trước thay đổi vốn lưu động	08	2.225.310.746.441	1.719.751.326.684
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(144.041.136.225)	548.409.151.281
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(21.556.902.730)	1.104.608.534.894
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	349.694.799.167	(95.853.867.901)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(5.185.542.375)	92.934.987.130
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(236.371.210.251)	(47.607.695.386)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(101.020.146.709)	(65.690.760.564)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.066.830.607.318	3.256.551.676.138
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	21	(757.597.161.880)	(740.972.256.356)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	165.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(25.000.000.000)
4. Tiền thu hồi các khoản đầu tư	24	-	10.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư dài hạn	25	(106.539.115.000)	(887.682.927.894)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	286.313.394.634	130.535.668.516
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(577.657.882.246)	(1.513.119.515.734)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền mua lại cổ phiếu của công ty đã phát hành	32	(39.981.041.328)	(8.243.245.724)
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	101.077.418.222	213.533.370.431
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(870.072.707.300)	(453.518.327.036)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(808.976.330.406)	(248.228.202.329)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	680.196.394.666	1.495.203.958.075
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm	60	2.196.286.702.433	700.794.827.850
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	-	287.916.508
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm	70	2.876.483.097.099	2.196.286.702.433

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tổng công ty đã mua tài sản cố định trong năm không bao gồm số tiền 44.141.948.337 đồng là số tiền dùng để mua tài sản cố định mà chưa được thanh toán và bao gồm 105.395.594.791 đồng là giá trị tài sản mua năm trước nhưng chưa thanh toán trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phân tăng, giảm các khoản phải trả.



Nguyễn Văn Tông
 Phó Tổng Giám đốc
 Ngày 18 tháng 2 năm 2011

Huỳnh Kim Nhân
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần ("Tổng Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007696 ngày 31 tháng 8 năm 2007 và sửa đổi ngày 15 tháng 5 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con kể từ ngày 1 tháng 9 năm 2008 theo Nghị quyết số 01/NĐ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông Tổng Công ty mẹ - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần ("Công ty") được hình thành từ bộ máy các phòng chức năng của Tổng Công ty, các Ban quản lý dự án và Nhà máy Đạm Phú Mỹ. Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 5 tháng 11 năm 2007 với mã chứng khoán là DPM.

Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ 61,37% vốn điều lệ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 1.137 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 1.138 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm: Sản xuất và kinh doanh phân đạm, amoniac lỏng, khí công nghiệp, các sản phẩm hóa chất khác; các dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất, kinh doanh phân đạm và các sản phẩm hóa chất khác có liên quan (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Sản xuất kinh doanh điện; Kinh doanh bất động sản, mua bán hàng nông lâm sản, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô, đường thủy nội địa, chế biến các sản phẩm dầu khí và khoáng sản và đào tạo nghề.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của các đơn vị hạch toán phụ thuộc và báo cáo văn phòng Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần. Các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các đơn vị hạch toán phụ thuộc trong Công ty được loại trừ khi trình bày báo cáo tài chính của Công ty.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 31 tháng 12 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp. Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định áp dụng các hướng dẫn tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC này vào báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010. Ảnh hưởng của việc áp dụng hướng dẫn kế toán mới được trình bày tại thuyết minh số 25.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

1/2
NH
TY
HƯ
T1
NA
NỘI
5C

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 3 Số 2 Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao để dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền trừ giá gốc nguyên vật liệu được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá trị sổ sách của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 (thay thế Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003) do Bộ Tài chính ban hành và có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 như sau:

	<u>Năm 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 20	6 - 20
Máy móc, thiết bị	3 - 6	3 - 6
Phương tiện vận tải	6	6
Thiết bị văn phòng	3 - 5	3 - 5

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị bản quyền sáng chế, giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bản quyền sáng chế và tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Công ty bao gồm thuê văn phòng và thuê đất. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và giá trị Tòa nhà Đông Tây tại 27 Đinh Bộ Lĩnh, Thành phố Hồ Chí Minh và công trình Siêu thị và Cao ốc văn phòng ở Cà Mau do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	<u>Năm</u>
Quyền sử dụng đất	49
Công trình kiến trúc	25

Công ty không trích khấu hao cho bất động sản đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất của Tòa nhà Đông Tây tại 27 Đinh Bộ Lĩnh vì quyền sử dụng đất này là không thời hạn.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là một công ty mà Công ty giữ cổ phần chi phối cũng như quyền kiểm soát tương ứng. Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc trên bảng cân đối kế toán.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc trên bảng cân đối kế toán.

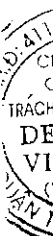
Các khoản đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết) và không có ảnh hưởng đáng kể, có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm. Giá trị khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác là dự phòng tổn thất do giảm giá các khoản đầu tư dài hạn hoặc do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê đất, chi phí lợi thế kinh doanh và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Chi phí lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa với số tiền 531.700.794.477 đồng và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian 6 năm từ ngày 1 tháng 1 năm 2007. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, việc phân bổ lợi thế kinh doanh trong thời gian 6 năm là phù hợp quy định về tài chính đối với doanh nghiệp cổ phần hóa của Nhà nước, cũng như phù hợp với thời gian khấu hao tài sản cố định của dây chuyền sản xuất.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên và chi phí bảo hiểm tài sản. Chi phí công cụ, dụng cụ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành. Chi phí bảo hiểm tài sản được phân bổ theo thời gian thực tế mua bảo hiểm.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, có kỳ hạn, lãi nhận được từ các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn, trong đó lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng; lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và chênh lệch tỷ giá phát sinh được xử lý như sau:

1/2
NH
TY
HỮU
TT
NA
HỘI
C

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu và phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của thuế phải trả hiện tại và thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010	31/12/2009
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	1.288.972.826	1.131.247.776
Tiền gửi ngân hàng	87.194.124.273	45.155.454.657
Các khoản tương đương tiền	2.788.000.000.000	2.150.000.000.000
	<u>2.876.483.097.099</u>	<u>2.196.286.702.433</u>

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 3 Số 2 Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 10,5%/năm đến 14%/năm.

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN KHÁC

Đầu tư ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 10%/năm đến 11,2%/năm.

7. PHẢI THU NỘI BỘ NGẮN HẠN

	31/12/2010	31/12/2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Công ty TNHH MTV TM dịch vụ Phân bón và Hóa chất dầu khí	9.080.516.500	-
Công ty Cổ phần Phân bón hóa chất dầu khí Miền Trung	55.344.778.203	-
Công ty Cổ phần Phân bón hóa chất dầu khí Tây Nam Bộ	36.032.880.377	16.767.277.150
Công ty TNHH Phân bón hóa chất dầu khí Đông Nam Bộ	5.188.858.758	210.749.720
	<u>105.647.033.838</u>	<u>16.978.026.870</u>

Phải thu nội bộ ngắn hạn chủ yếu phản ánh các khoản Công ty bán hàng cho các công ty con trong năm.

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010	31/12/2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Hàng mua đang đi trên đường	64.496.408.239	25.998.134.017
Nguyên liệu, vật liệu	237.357.143.166	312.794.659.063
Công cụ, dụng cụ	2.046.691.861	1.165.454.376
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	9.861.228.348	9.418.157.519
Thành phẩm	89.439.656.697	76.391.190.004
Hàng hóa	165.138.160.242	121.014.790.844
	<u>568.339.288.553</u>	<u>546.782.385.823</u>



CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 3 Số 2 Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VNĐ	Máy móc, thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tổng cộng VNĐ
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2010	702.328.719.343	4.747.965.605.605	57.147.032.152	16.255.767.423	5.523.697.124.523
Mua trong năm	220.500.000	760.478.923	7.904.999.136	10.708.622.781	19.594.600.840
XDCB hoàn thành	67.148.102.216	514.809.813.706	1.765.378.091	8.764.834.520	592.488.128.533
Thanh lý trong năm	-	-	(595.655.182)	(1.056.276.437)	(1.651.931.619)
Tại ngày 31/12/2010	769.697.321.559	5.263.535.898.234	66.221.754.197	34.672.948.287	6.134.127.922.277
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2010	441.481.010.347	4.232.642.153.408	43.663.795.896	8.351.638.854	4.726.138.598.505
Khấu hao trong năm	95.341.345.539	538.541.451.470	8.687.156.748	5.636.377.900	648.206.331.657
Thanh lý trong năm	-	-	(481.879.374)	(1.056.276.437)	(1.538.155.811)
Tại ngày 31/12/2010	536.822.355.886	4.771.183.604.878	51.869.073.270	12.931.740.317	5.372.806.774.351
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2010	232.874.965.673	492.352.293.356	14.352.680.927	21.741.207.970	761.321.147.926
Tại ngày 31/12/2009	260.847.708.996	515.323.452.197	13.483.236.256	7.904.128.569	797.558.526.018

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 5.455.437.918.673 đồng (31/12/2009: 585.638.484.423 đồng).

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Bản quyền sáng chế VNĐ	Quyền sử dụng đất VNĐ	Tài sản cố định vô hình khác VNĐ	Phần mềm VNĐ	Tổng cộng VNĐ
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2010	159.117.493.074	-	9.538.318.032	8.066.635.449	176.722.446.555
Mua trong năm	-	-	-	9.094.055.400	9.094.055.400
Chuyển từ XDCB	-	12.406.575.000	-	1.102.449.920	13.509.024.920
Tại ngày 31/12/2010	159.117.493.074	12.406.575.000	9.538.318.032	18.263.140.769	199.325.526.875
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2010	139.327.696.854	-	8.352.016.197	1.385.025.658	149.064.738.709
Trích trong năm	19.789.796.220	-	1.186.301.835	1.728.789.207	22.704.887.262
Tại ngày 31/12/2010	159.117.493.074	-	9.538.318.032	3.113.814.865	171.769.625.971
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2010	-	12.406.575.000	-	15.149.325.904	27.555.900.904
Tại ngày 31/12/2009	19.789.796.220	-	1.186.301.835	6.681.609.791	27.657.707.846

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦNLầu 3 Số 2 Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Số dư đầu năm	704.975.296.979	163.619.037.312
Tăng trong năm	667.654.859.186	751.343.194.903
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(592.488.128.533)	(209.986.935.236)
Kết chuyển sang tài sản vô hình	(13.509.024.920)	-
Kết chuyển sang bất động sản đầu tư	(174.808.376.037)	-
Phân loại lại	182.192.808.839	-
Giảm khác	(64.025.784.020)	-
Số dư cuối năm	709.991.651.494	704.975.296.979

Theo Quyết định số 033/QĐ-HĐQT ngày 24 tháng 3 năm 2008, Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình Hệ thống thu hồi CO₂ từ khói thải Primary Reformer nâng công suất Nhà máy Đạm Phú Mỹ từ 740.000 tấn lên 800.000 tấn Urea/năm với tổng mức đầu tư là 368.757.439.000 đồng và đã được điều chỉnh là 606.869.000.000 đồng theo Quyết định số 164/QĐ-HĐQT ngày 16 tháng 10 năm 2008. Ngày 15 tháng 9 năm 2010, công trình Hệ thống thu hồi CO₂ từ khói thải Primary Reformer đã hoàn thành và đưa vào hoạt động. Tổng giá trị công trình quyết toán và đã được kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư là 504.561.492.471 đồng.

Theo Quyết định số 138/NQ-DKVN ngày 7 tháng 1 năm 2011 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam, Tổng Công ty đã quyết định tạm dừng các công tác chuẩn bị đầu tư Dự án sản xuất phân bón DAP tại Ma-rốc do hiệu quả kinh tế của Dự án không khả thi. Do vậy, toàn bộ chi phí đã chi trả cho các hợp đồng đã ký kết đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010 để thực hiện dự án DAP Maroc là 36.182.666.387 đồng đã được ghi nhận chi phí quản lý trong năm 2010.

Theo hợp đồng Hợp tác đầu tư xây dựng và khai thác số 107/HĐHTXD-KT ngày 29 tháng 6 năm 2009, Công ty cùng với các bên Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam, Công ty Cổ phần Bất động sản Tài chính Dầu khí Việt Nam và Tổng Công ty Dầu Việt Nam góp vốn đầu tư xây dựng và kinh doanh khai thác Dự án "Tòa nhà văn phòng", tạo ra một tài sản đồng kiểm soát giữa các bên, tại địa điểm 43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, thành phố Hồ Chí Minh. Theo hợp đồng chuyển nhượng số 40/2010/HĐCN/PVFC Land-PVFC-PVFCO- PV Oil ngày 12 tháng 8 năm 2010, Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần Bất động sản Tài chính Dầu khí Việt Nam đã chuyển nhượng phần vốn góp cho Tổng Công ty. Theo đó, Công ty và Tổng Công ty Dầu Việt Nam cùng hợp tác đầu tư vào dự án này theo tỷ lệ lần lượt là 75% và 25% sau khi chuyển nhượng. Tổng giá trị đầu tư của dự án khoảng 880,23 tỷ đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty đã góp vào dự án là 432.199.782.107 đồng.

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 3 Số 2 Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Tại ngày 1/1/2010	Kết chuyển từ XDCB	Tại ngày 31/12/2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ	88.855.650.000	174.808.376.037	263.664.026.037
Quyền sử dụng đất	49.215.000.000	50.284.152.000	99.499.152.000
Công trình kiến trúc	39.640.650.000	124.524.224.037	164.164.874.037
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	396.406.500	2.269.764.123	2.666.170.623
Quyền sử dụng đất	-	684.138.123	684.138.123
Công trình kiến trúc	396.406.500	1.585.626.000	1.982.032.500
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	88.459.243.500		260.997.855.414
Quyền sử dụng đất	49.215.000.000		98.815.013.877
Công trình kiến trúc	39.244.243.500		162.182.841.537

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và giá trị Tòa nhà Đông Tây tại 27 Đinh Bộ Lĩnh, Thành phố Hồ Chí Minh và công trình Siêu thị và Cao ốc Cà Mau đã hoàn thành, tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do Công ty không có ý định bán hay chuyển nhượng lại trong tương lai gần. Toàn bộ bất động sản đầu tư của Tòa nhà Đông Tây tại 27 Đinh Bộ Lĩnh được Công ty cho Công ty TNHH Phân bón và Hóa chất dầu khí Đông Nam Bộ (công ty con của Công ty) thuê lại.

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Tên công ty con	Thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	31/12/2010	Hoạt động chính
		%	<u>VND</u>	
Công ty TNHH MTV TM dịch vụ Phân bón và Hóa chất dầu khí	TP. Hồ Chí Minh	100	500.000.000.000	Kinh doanh phân bón và hóa chất
Công ty Cổ phần Phân bón hóa chất dầu khí Miền Trung	Tỉnh Bình Định	100	80.000.000.000	Kinh doanh phân bón và hóa chất
Công ty Cổ phần Phân bón hóa chất dầu khí Tây Nam Bộ	Tp. Cần Thơ	100	100.000.000.000	Kinh doanh phân bón và hóa chất
Công ty TNHH Phân bón hóa chất dầu khí Đông Nam Bộ	TP. Hồ Chí Minh	100	85.000.000.000	Kinh doanh phân bón và hóa chất
Công ty TNHH MTV Phân bón hóa chất dầu khí Miền Bắc	Tp. Hà Nội	100	65.000.000.000	Kinh doanh phân bón và hóa chất
Công ty CP Bao bì Đạm Phú Mỹ	Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	51	21.410.000.000	Sản xuất bao bì
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	Tp. Hồ Chí Minh	75%	41.250.000.000	Đầu tư kinh doanh bất động sản
			892.660.000.000	

Theo Nghị quyết số 119/NQ- PBHC ngày 24 tháng 6 năm 2010 và Hợp đồng số 256/2010/PVGAS /TC-PVFCO/D4 ngày 26 tháng 11 năm 2010, Công ty mua thêm số cổ phần Công ty cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí miền Nam từ Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam và Tổng Công ty Khí Việt Nam. Theo đó, Công ty sở hữu Công ty cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí miền Nam tương ứng với tỷ lệ đầu tư là 60% kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2010 và tăng lên tỷ lệ 75% từ ngày 30 tháng 11 năm 2010.

Theo nghị quyết số 1929/NQ-DKVN ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về phương án tái cấu trúc tổng thể Tổng Công ty Phân Bón và Hóa Chất Dầu Khí - Công ty cổ phần, Tổng

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 3 Số 2 Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Công ty đã thực hiện chuyển đổi các công ty con thành công ty cổ phần. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất dầu khí Miền Trung và Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất dầu khí Tây Nam Bộ đã chuyển đổi thành công ty cổ phần; Công ty TNHH Phân bón và Hóa chất dầu khí Đông Nam Bộ và Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất dầu khí Miền Bắc đang thực hiện các thủ tục đăng ký kinh doanh chuyển đổi thành công ty cổ phần.

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

Tên công ty	Thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu vốn (%)	31/12/2010 VNĐ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí (PVC Cà Mau)	Tp. Cà Mau	20%	20.000.000.000	Thi công xây lắp công trình dân dụng, công nghiệp
			<u>20.000.000.000</u>	

15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Góp vốn vào Dự án 43 Mạc Đĩnh Chi	-	182.192.808.839
Góp vốn vào Công ty CP Hóa dầu và Xơ sợi tổng hợp Petrovietnam - Vinatex Đĩnh Vũ	270.000.000.000	215.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	43.591.357.921	22.302.242.921
	<u>313.591.357.921</u>	<u>419.495.051.760</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá các khoản đầu tư dài hạn và không có khoản đầu tư nào giảm giá do vậy Công ty không phải trích dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn.

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Trả trước tiền thuê đất	6.180.076.651	12.195.594.213
Lợi thế kinh doanh	177.233.598.148	265.850.397.236
Chi phí trả trước khác	113.186.504.793	17.517.187.644
	<u>296.600.179.592</u>	<u>295.563.179.093</u>

- Tiền thuê đất trả trước phản ánh số tiền thuê 634.595,35 m² đất được trả trước cho Công ty Đầu tư và Khai thác Hạ tầng KCN Đông Xuyên và Phú Mỹ 1 với thời gian thuê là 17 năm từ ngày 3 tháng 9 năm 2004.
- Chi phí trả trước khác bao gồm các loại vật tư, phụ tùng thay thế đang sử dụng ở Nhà Máy Đạm Phú Mỹ được phân bổ trong vòng 6 năm với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 77.125.097.319 đồng; và số tiền còn lại chủ yếu là các chi phí đào tạo học viên cho nhà máy đạm Cà Mau, công cụ dụng cụ chờ phân bổ và tiền thuê đã trả trước theo các hợp đồng thuê.

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 3 Số 2 Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***17. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm như sau:

	Dự phòng trợ cấp thôi việc	Doanh thu chưa thực hiện	Lợi nhuận chưa thực hiện	Chi phí trích trước	Tổng
Tại ngày 1/1/2010	545.148.875	(465.867.725)	-	1.954.137.637	2.033.418.787
Ghi nhận trong năm	(545.148.875)	1.850.879.882	613.429.889	10.860.495.754	12.779.656.650
Tại ngày 31/12/2010	-	1.385.012.157	613.429.889	12.814.633.391	14.813.075.437

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	46.308.171.284	105.742.643.552
Thuế thu nhập cá nhân	1.544.678.963	960.683.263
	47.852.850.247	106.703.326.815

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	147.231.991.964	64.864.112.407
Chi phí an sinh xã hội	11.092.663.603	14.030.000.000
Chi phí mua kho Nghi Sơn	-	5.909.090.909
Khác	24.651.733.516	14.588.853.715
	182.976.389.083	99.392.057.031

Trong năm 2010, Công ty đã trích trước 147.231.991.964 đồng cho chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định theo kế hoạch bảo dưỡng và sửa chữa Nhà máy Đạm Phú Mỹ trong năm 2011.

20. VAY DÀI HẠN

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Ngân hàng TMCP Á Châu và Tổng Công ty CP Tài chính Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	246.087.577.105	216.974.174.175
	246.087.577.105	216.974.174.175

Khoản vay của Công ty theo Hợp đồng tín dụng số 60095579 ngày 29 tháng 5 năm 2009 với Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam – Chi nhánh Vũng Tàu và Ngân hàng TMCP Á Châu với số tiền vay là 23.905.925 Đô la Mỹ, trong đó Ngân hàng Ngân hàng TMCP Á Châu cho vay 7.200.000 Đô la Mỹ, Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam – Chi nhánh Vũng Tàu cho vay 16.705.925 Đô la Mỹ. Mục đích của khoản vay là thanh toán chi phí đầu tư Hệ thống thu hồi CO2 từ khói thải Primary Reformer nâng công suất Nhà máy Đạm Phú Mỹ từ 740.000 tấn lên 800.000 tấn Urea/năm. Thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, trong đó thời gian ân hạn là 24 tháng, thời gian trả nợ gốc là 96 tháng kể từ khi kết thúc thời gian ân hạn.

Hình thức đảm bảo tiền vay là thế chấp hệ thống nhà xưởng, máy móc thiết bị sản xuất CO2 hình thành qua đầu tư dự án theo các điều khoản của Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành từ vốn

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 3 Số 2 Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

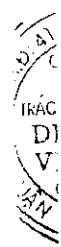
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

vay số SGD.TK.01140509 ngày 19 tháng 5 năm 2009 và Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị hình thành trong tương lai số SGD.CCO.01140509 ngày 19 tháng 5 năm 2009. Lãi suất vay phụ thuộc đồng tiền giải ngân và được xác định trên cơ sở không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu của Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam – Chi nhánh Vũng Tàu hoặc lãi suất cho vay ưu đãi bình quân của Ngân hàng TMCP Á Châu và Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam.

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, số dư nợ vay của hợp đồng này là 17.331.332 đô la Mỹ tương đương 328.116.769.473 đồng, trong đó, Ngân hàng thương mại Á Châu là 5.199.302 đô la Mỹ tương đương 98.433.190.955 đồng và Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu Khí là 12.132.029 đô la Mỹ tương đương 229.683.578.518 đồng.

Khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2010	31/12/2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Trong vòng một năm	82.029.192.368	-
Trong năm thứ hai	82.029.192.368	13.560.885.886
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	164.058.384.737	81.365.315.316
Sau năm năm	-	122.047.972.973
	<u>328.116.769.473</u>	<u>216.974.174.175</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	<u>82.029.192.368</u>	<u>-</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>246.087.577.105</u>	<u>216.974.174.175</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

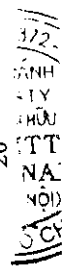
	Vốn điều lệ VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Cộng VNĐ
Số dư tại 1/1/2009	3.800.000.000.000	(35.052.843.575)	85.605.600.694	57.070.400.463	-	768.105.050.196	4.675.728.207.778
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	1.297.520.577.459	1.297.520.577.459
Cổ phiếu quỹ mua trong năm	-	(8.243.245.724)	-	-	-	(8.243.245.724)	(8.243.245.724)
Trích từ lợi nhuận	-	-	205.668.843.412	137.187.712.312	-	(422.169.921.593)	(79.313.365.869)
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	(454.800.000.000)	(454.800.000.000)
Chi quỹ	-	-	(229.090.909)	-	-	-	(229.090.909)
Khác	-	-	-	-	310.157.521	-	310.157.521
Số dư tại 31/12/2009	3.800.000.000.000	(43.296.089.299)	291.045.353.197	194.258.112.775	310.157.521	1.188.655.706.062	5.430.973.240.256
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	1.632.822.713.251	1.632.822.713.251
Cổ phiếu quỹ mua trong năm (1)	-	(39.981.041.328)	-	-	-	-	(39.981.041.328)
Trích từ lợi nhuận (2)	-	-	528.346.030.875	128.110.079.818	-	(732.905.990.631)	(76.449.879.938)
Kết chuyển nguồn (3)	-	-	16.075.687.277	10.717.124.849	-	-	26.792.812.126
Trả cổ tức (4)	-	-	-	-	-	(871.645.420.000)	(871.645.420.000)
Khác	-	-	(229.099.000)	-	73.821	-	(229.025.179)
Số dư tại 31/12/2010	3.800.000.000.000	(83.277.130.627)	835.237.972.349	333.085.317.442	310.231.342	1.216.927.008.682	6.102.283.399.188

(1): Trong năm, Công ty đã thực hiện mua tổng số 1.352.260 cổ phiếu quỹ theo Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 13 tháng 7 năm 2010. Giá bình quân cổ phiếu quỹ mua vào là 29.566 đồng/cổ phiếu.

(2): Số trích lập các quỹ trong năm bao gồm số trích lập bổ sung các quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính của Công ty với số tiền tương ứng 528.346.030.875 đồng và 128.110.079.818 đồng từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 16 tháng 4 năm 2010.

(3): Trong năm, các công ty con kết chuyển Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ dự phòng tài chính về quỹ của Công ty với tổng số tiền lần lượt là 16.075.687.277 đồng và 10.717.124.849 đồng.

(4): Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 16 tháng 4 năm 2010, Công ty đã công bố và chi trả cổ tức cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 758.000.000.000 đồng (2.000 đồng/cổ phần), trong đó việc chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 là 265.300.000.000 đồng (700 đồng/cổ phần) đã được thực hiện vào ngày 27 tháng 7 năm 2009. Ngày 27 tháng 5 năm 2010, Công ty đã công bố về việc chi trả cổ tức đợt 2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 sau khi trích lập các quỹ, theo đó Công ty đã trích 492.700.000.000 đồng. Ngày 29 tháng 7 năm 2010, Công ty đã công bố về việc chi trả tạm ứng cổ tức đợt 1 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 với mức 1.000 đồng/cổ phần (10% mệnh giá), theo đó Công ty đã tạm trích 378.945.420.000 đồng.



CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 3 Số 2 Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Chi tiết vốn điều lệ của Công ty như sau:

	Tỷ lệ (%)	31/12/2010 VNĐ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	61,37	2.332.042.530.000
Các cổ đông khác	38,63	1.467.957.470.000
	100	3.800.000.000.000

Số lượng cổ phần Công ty đăng ký và đã phát hành ra công chúng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 380.000.000 cổ phần, trong đó Công ty đang nắm giữ 2.352.260 cổ phiếu quỹ tương đương với 2.352.260 cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

22. DOANH THU VÀ GIÁ VỐN

	Kinh doanh hàng hóa sản xuất trong nước VNĐ	Kinh doanh hàng hóa nhập khẩu VNĐ	Cộng VNĐ
Năm 2010			
Doanh thu	4.692.304.090.466	43.304.644.664	4.735.608.735.130
Giá vốn hàng bán	2.555.839.748.179	40.921.085.048	2.596.760.833.227
Lợi nhuận gộp	2.136.464.342.287	2.383.559.616	2.138.847.901.903
Năm 2009			
Doanh thu	3.851.365.685.445	623.049.159.992	4.474.414.845.437
Giá vốn hàng bán	2.044.942.264.205	589.896.734.738	2.634.838.998.943
<i>Trong đó: Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho</i>	-	611.031.994.036	611.031.994.036
Lợi nhuận gộp	1.806.423.421.240	33.152.425.254	1.839.575.846.494

Chi tiết doanh thu kinh doanh hàng hóa sản xuất trong nước như sau:

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Doanh thu URE	4.508.705.348.029	3.710.999.378.214
Doanh thu Amoniac	186.892.922.108	135.391.219.794
Doanh thu điện	10.201.609.113	3.728.592.061
Doanh thu khác	27.450.312.153	1.540.158.140
	4.733.250.191.403	3.851.659.348.209
Chiết khấu thương mại	40.946.100.937	293.662.764
	4.692.304.090.466	3.851.365.685.445

CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 3 Số 2 Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***23. LÃI HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2010	2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi	272.338.659.153	131.371.250.442
Cổ tức, lợi nhuận được chia	83.657.226.279	21.723.347.880
Khác	308.356.946	350.492.423
	<u>356.304.242.378</u>	<u>153.445.090.745</u>
Chi phí hoạt động tài chính		
Lãi tiền vay	7.633.940.298	-
Chênh lệch tỷ giá	62.278.698.560	45.147.497.209
Khác	10.074.053.803	-
	<u>79.986.692.661</u>	<u>45.147.497.209</u>
Lãi hoạt động tài chính	<u>276.317.549.717</u>	<u>108.297.593.536</u>

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2010	2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	176.936.737.983	124.944.202.700
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của năm trước bổ sung	-	24.879.374.920
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>176.936.737.983</u>	<u>149.823.577.620</u>

Đối với hoạt động kinh doanh phân đạm sản xuất tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ: Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% tính trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (năm 2004) và giảm 50% cho bảy năm tiếp theo (năm 2008). Năm 2010 là năm thứ ba Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động chính do đây là năm thứ bảy kinh doanh có lãi (kể từ khi đi vào hoạt động).

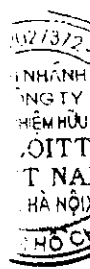
Đối với các hoạt động kinh doanh khác: Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

25. CÁC KHOẢN CAM KẾT**Cam kết thuê hoạt động**

Từ ngày 3 tháng 9 năm 2005, Công ty đã tiếp nhận Hợp đồng thuê lại đất số 178/HĐ/TLĐ/UDEC.2001 ngày 1 tháng 6 năm 2001 được ký giữa Ban Quản lý Dự án Nhà máy Đạm Phú Mỹ với Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho việc thuê dài hạn đất và cơ sở hạ tầng tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hợp đồng thuê có thời hạn 17 năm kể từ ngày 3 tháng 9 năm 2004 với tiền thuê và phí sử dụng hạ tầng phải trả hàng năm là 343.993 đô la Mỹ/năm.

Ngày 2 tháng 6 năm 2008, Công ty đã ký Hợp đồng số 015 GT/2008-HDTC với Công ty Cổ phần Gemadept thuê văn phòng với thời hạn 3 năm và giá trị là 16,4 tỷ đồng/năm.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, lịch thanh toán các khoản cam kết thuê như sau:



CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 3 Số 2 Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1

Báo cáo tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

	31/12/2010	31/12/2009
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Trong vòng một năm	12.873.721.961	22.361.311.320
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	22.924.219.188	30.096.967.045
Sau năm năm	28.702.378.545	35.377.686.768
	<u>64.500.319.694</u>	<u>87.835.965.134</u>

Cam kết vốn

Theo Quyết định số 751/QĐ-PBHC ngày 27 tháng 7 năm 2009, Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã phê duyệt Dự án đầu tư Kho cảng tổng hợp 20.000 DWT tại quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ (giai đoạn 1) với tổng mức đầu tư là 347.112.911.828 đồng. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, giá trị đã thực hiện đầu tư của dự án là 126.023.047.507 đồng.

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của báo cáo năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này do việc áp dụng Thông tư số 244/2009/TT-BTC. Chi tiết như sau:

Tài khoản ảnh hưởng	Mã số	Trước khi trình bày lại <u>VNĐ</u>	Sau khi trình bày lại <u>VNĐ</u>	Chênh lệch <u>VNĐ</u>
NỢ PHẢI TRẢ				
Người mua trả tiền trước	313	6.212.737.670	584.000	6.212.153.670
Doanh thu chưa thực hiện	338	-	6.212.153.670	(6.212.153.670)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	-	45.612.041.537	(45.612.041.537)
NGUỒN VỐN				
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	<u>45.612.041.537</u>	<u>-</u>	<u>45.612.041.537</u>
